CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19../2019/CV-TNS *V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Quý II 2019 so với cùng kỳ năm trước*	*Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Căn cứ:

- *Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/ QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings;*

Đầu tiên, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ TNS Holdings xin gửi lời chào trân trọng tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM

Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ TNS Holdings ("**TNS Holdings**") xin giải trình biến động chênh lệch kết quả lợi nhuận trên Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2019, so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2019:

   Lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2019 là: - 143.481.593 đồng; Lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2018 là: 419.894.667 đồng do trong Quý II năm 2019, TNS Holdings mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp và phát triển đội ngũ nhân sự.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2019:

   Lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2019 là: 20.595.910.296 đồng; Lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2018 là: 20.460.293.615 đồng. TNS Holdings cũng như các công ty con trực thuộc hệ thống hoạt động hiệu quả hơn. Các công ty con như Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property, Công ty Cổ phần Dịch vụ vệ sinh công nghiệp TNS Clean, Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading, Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt; Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One từng bước khẳng định tên tuổi trong nước và tất cả hoạt động kinh doanh đều có hiệu quả.

Chi tiết các nội dung liên quan được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2019 của TNS Holdings

Công ty TNS Holdings xin giải trình Quý Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu HC.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0106673358 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hồng Huệ

3358 - C.T.C.P
TY
HẦN
I DỊCH VỤ
DINGS
T.P HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS
DN: E=halt3@tnsproperty.com.vn, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106673358, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS, L=HÀ NỘI, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-07-30 18:22:59

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 19

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 4 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2019)
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2019)
Ông Preben Hjortlund	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Phi Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
Bà Trần Thị Mỹ Hường	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 22/04/2019) (Miễn nhiệm ngày 21/05/2019)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Quỳnh Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2019)
Ông Vũ Hoài Dương	Trưởng Ban Kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2019)
Ông Lê Đức Đông	Thành viên	
Bà Trần Thị Phan Thủy	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Hồng Huệ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính cho ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

M.S.D.N: 0107373358 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hồng Huệ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 07 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2019*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**16.643.781.234**	**16.549.724.574**
110	***I. Tiền***	***4***	***904.816.458***	***1.175.356.493***
111	1. Tiền		904.816.458	1.175.356.493
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***15.567.964.122***	***15.237.611.296***
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	4.480.000.000	4.480.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.087.964.122	10.757.611.296
150	***III. Tài sản ngắn hạn khác***		***171.000.654***	***136.756.785***
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		171.000.654	136.756.785
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**118.096.445.805**	**118.096.445.805**
250	***I. Đầu tư tài chính dài hạn***	***7***	***118.096.445.805***	***118.096.445.805***
251	1. Đầu tư vào công ty con	7.1	15.971.445.805	15.971.445.805
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.2	102.125.000.000	102.125.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**134.740.227.039**	**134.646.170.379**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2019*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**702.381.724**	**780.183.776**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		**702.381.724**	***780.183.776***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	608.840.560	322.109.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		46.675.232	35.142.830
314	3. Phải trả người lao động		26.925.446	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	190.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	9	19.940.486	232.931.946
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**134.037.845.315**	**133.865.986.603**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	*10*	**134.037.845.315**	***133.865.986.603***
411	1. Vốn cổ phần		133.000.000.000	133.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.037.845.315	865.986.603
421a	- *Lợi nhuận sau thuế/(Lỗ lũy kế) đến cuối năm trước*		*865.986.603*	*(738.714.900)*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*171.858.712*	*1.604.701.503*
430	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**134.740.227.039**	**134.646.170.379**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS

Vũ Ngọc Sơn	Mạc Hoàng Anh	Nguyễn Thị Hồng Huệ
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019*	*Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2019*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2018*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	11	665.330.756	709.039.223	1.330.757.096	1.009.071.326
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12	808.812.349	289.144.546	1.158.898.384	349.205.035
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(143.481.593)	419.894.677	171.858.712	659.866.291
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-	-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(143.481.593)	419.894.677	171.858.712	659.866.291
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(143.481.593)	419.894.677	171.858.712	659.866.291

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS

Vũ Ngọc Sơn	Mạc Hoàng Anh	Nguyễn Thị Hồng Huệ
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính cho ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019*	*Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**171.858.712**	**659.866.291**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	11	(1.330.757.096)	(1.009.071.326)
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(1.158.898.384)**	**(349.205.035)**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(33.839.599)	1.782.655.181
11	Giảm các khoản phải trả		(77.802.052)	(14.605.604)
12	Giảm chi phí trả trước		-	6.301.253
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		**(1.270.540.035)**	**1.425.145.795**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	Tiền chi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.500.000.000)
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		1.000.000.000	300.053.583
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**1.000.000.000**	**(1.199.946.417)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		-	-
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(270.540.035)**	**225.199.378**
60	**Tiền đầu kỳ**		**1.175.356.493**	**107.310.350**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**904.816.458**	**332.509.728**

Vũ Ngọc Sơn
Người lập biểu

Mạc Hoàng Anh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TNS HOLDINGS

Nguyễn Thị Hồng Huệ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 07 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 4 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ lợi ích (%)*	*Trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	99%	99%	Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản
2	Công Ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading	51%	51%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,5%	99,5%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
5	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE	100%	100%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 7. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 vào ngày 19 tháng 4 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) ; và
- Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*
Tiền mặt	337.500.000	337.500.000
Tiền gửi ngân hàng	567.316.458	837.856.493
TỔNG CỘNG	**904.816.458**	**1.175.356.493**

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2019*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*
Công ty Cổ phần Sông Hồng (*)	4.280.000.000	4.280.000.000
Công ty Cổ phần Thuận An (**)	200.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG	**4.480.000.000**	**4.480.000.000**

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 5%/năm. Khoản vay này đã được gia hạn với kỳ hạn trả nợ mới trong tháng 6 năm 2019.

(**) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 12%/năm. Khoản vay này đã được gia hạn với kỳ hạn trả nợ mới trong tháng 6 năm 2019.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (ii)	2.450.000.000	2.450.000.000
Phải thu lãi cho vay	1.290.000.000	1.171.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	22.669.580	22.669.580
Phải thu khác các biên liên quan *(Thuyết minh số 14)*	2.325.294.542	2.113.941.716
TỔNG CỘNG	**11.087.964.122**	**10.757.611.296**

(i) Đây là khoản tiền tạm ứng thực hiện hợp đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/ND-TNSHOLDINGS ký ngày 30 tháng 6 năm 2018 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức. Theo đó, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức sẽ thực hiện việc tìm kiếm khách hàng tiềm năng và giới thiệu cho Công ty để cho thuê, mua đất, với thời hạn hợp tác trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(ii) Bao gồm các khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading cho Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và Ông Nguyễn Đức Phương với giá trị lần lượt là 1.500.000.000 VND và 950.000.000 VND.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị còn lại*
Đầu tư vào công ty con	15.971.445.805	-	15.971.445.805	15.971.445.805	-	15.971.445.805
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	102.125.000.000	-	102.125.000.000	102.125.000.000	-	102.125.000.000
TỔNG CỘNG	**118.096.445.805**	**-**	**118.096.445.805**	**118.096.445.805**	**-**	**118.096.445.805**

7.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

Đơn vị	*Ngày 30 tháng 6 năm 2019*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	4.993.945.805	-	4.993.945.805	4.993.945.805	-	4.993.945.805
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Thương Mại TNTrading	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	4.737.500.000	-	4.737.500.000	4.737.500.000	-	4.737.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	1.690.000.000	-	1.690.000.000	1.690.000.000	-	1.690.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	**15.971.445.805**	**-**	**15.971.445.805**	**15.971.445.805**	**-**	**15.971.445.805**

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

7.1 *Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại công ty con do cổ phiếu nắm giữ tại các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*	
Tên đơn vị	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	99%	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Thương Mại Tntrading	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	94,75%	94,75%
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,5%	99,5%	99,5%	99,5%
Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

7.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đơn vị tính: VND

Đơn vị	*Ngày 30 tháng 6 năm 2019*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*
Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	65.000.000.000	-	65.000.000.000	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	37.125.000.000	-	37.125.000.000	37.125.000.000	-	37.125.000.000
TỔNG CỘNG	**102.125.000.000**	**-**	**102.125.000.000**	**102.125.000.000**	**-**	**102.125.000.000**

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

7.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác* (tiếp theo)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty này như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*	
Tên đơn vị	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	9,09%	9,09%	9,09%	9,09%
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	12,37%	12,37%	12,37%	12,37%

Do chưa có đủ thông tin cần thiết, Công ty chưa xác định được phần giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho người bán	608.840.560	608.840.560	322.109.000	322.109.000
Trong đó:				
- *Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam*	*418.000.000*	*418.000.000*	*209.000.000*	*209.000.000*
- *Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam*	*110.000.000*	*110.000.000*	*110.000.000*	*110.000.000*
- *Phải trả đối tượng khác*	*80.840.560*	*80.840.560*	*3.109.000*	*3.109.000*
TỔNG CỘNG	**608.840.560**	**608.840.560**	**322.109.000**	**322.109.000**

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	216.615.255
Các khoản phải trả khác	19.940.486	16.316.691
TỔNG CỘNG	**19.940.486**	**232.931.946**

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

10.1 *Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2018	38.000.000.000	(738.714.900)	37.261.285.100
- Lợi nhuận trong kỳ	-	659.866.291	659.866.291
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	38.000.000.000	(78.848.609)	37.921.151.391
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019			
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2018	133.000.000.000	865.986.603	133.865.986.603
- Lợi nhuận trong kỳ	-	171.858.712	171.858.712
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	133.000.000.000	1.037.845.315	134.037.845.315

10.2 *Vốn cổ phần đã góp*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*	
	VND	*%*	*VND*	*%*
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	106.400.000.000	80%	106.400.000.000	80%
Nguyễn Thị Thanh Hương	6.210.000.000	4,67%	6.210.000.000	4,67%
Hà Thị Bích Hạnh	6.210.000.000	4,67%	6.210.000.000	4,67%
Trần Việt Hương	6.200.000.000	4,66%	6.200.000.000	4,66%
Nguyễn Đức Phương	6.078.000.000	4,57%	6.078.000.000	4,57%
Lê Thị Hà	10.000.000	0,01%	10.000.000	0,01%
Các cổ đông khác	1.892.000.000	1,42%	1.892.000.000	1,42%
TỔNG CỘNG	**133.000.000.000**	**100%**	**133.000.000.000**	**100%**

10.3 *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019	*Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018*
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	133.000.000.000	38.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	133.000.000.000	38.000.000.000

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

10.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*	
	Số lượng	*Giá trị VND*	*Số lượng*	*Giá trị VND*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**13.300.000**	**133.000.000.000**	**13.300.000**	**133.000.000.000**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	13.300.000	133.000.000.000	13.300.000	133.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.300.000	133.000.000.000	13.300.000	133.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND (năm 2018: 10.000 VND).

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	*Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2019*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2018*
Lãi cổ tức	605.676.413	542.017.743	1.211.352.826	842.017.743
Lãi cho vay	59.250.073	166.967.897	119.000.000	167.000.000
Lãi tiền gửi	-	53.583	404.270	53.583
TỔNG CỘNG	**665.330.756**	**709.039.223**	**1.330.757.096**	**1.009.071.326**

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	*Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2019*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2018*
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ				
- Chi phí nhân công	633.609.658	89.048.842	931.245.693	140.603.101
- Thuế, phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.793.600	198.205.090	185.013.600	198.617.499
- Chi phí khác	35.409.091	1.890.614	39.639.091	6.984.435
TỔNG CỘNG	**808.812.349**	**289.144.546**	**1.158.898.384**	**349.205.035**

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 20% lợi nhuận chịu thuế (giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	*Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2019*	*Lũy kế cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2018*
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**(143.481.593)**	**419.894.677**	**171.858.712**	**659.866.291**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty và các công ty con	*(28.696.319)*	*83.978.935*	*34.371.742*	*131.973.258*
Các khoản điều chỉnh	28.696.319	*(83.978.935)*	(34.371.742)	*(131.973.258)*
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-

13.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019*	*Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Công ty con	Cổ tức được chia	-	300.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Công ty con	Đầu tư góp vốn vào công ty con	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Cổ tức được chia	1.211.352.826	-
		Trả cổ tức	1.000.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên có liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2019*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*
Phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 6)*				
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Cổ tức được chia	2.325.294.542	2.113.941.716
			2.325.294.542	**2.113.941.716**

15. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Vũ Ngọc Sơn	Mạc Hoàng Anh	Nguyễn Thị Hồng Huệ
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 thang 07 năm 2019